



<b>Mã ĐH:</b> 120803	<b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	<b>KH mẫu:</b> NT 025.12
<b>Số phiếu: 2022-1901</b>		

**Khách hàng:** CÔNG TY TNHH MTV KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC .**Ngày lấy mẫu** : 07/12/2022

**Địa điểm:** CÔNG TY TNHH MTV KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC .**Ngày thử nghiệm:** 07/12-15/12/2022

**Địa chỉ :** A59/1 đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

**Vị trí lấy mẫu:** NT2: Nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải, lúc 10h54 .**Loại mẫu** : Nước thải  
(Tọa độ: X: 1197723.6; Y: 592260.7)

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	MDL	Thông số so sánh (*)	Phương pháp thử
1	pH <sup>(1)</sup>	-	7,18	2 ÷ 12	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ <sup>(1)</sup>	°C	32,1	4 ÷ 50	40	SMEWW 2550B:2017
3	Độ màu <sup>(1)</sup>	Pt-Co	KPH	7,6	121,5	SMEWW 2120C:2017
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(1)</sup>	mg/L	3	1,0	40,5	TCVN 6001-1:2008
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) <sup>(1)</sup>	mg/L	8	3,0	121,5	SMEWW 5220B:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	5,0	80	SMEWW 2540D:2017
7	Amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,37	0,50	8,1	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&C:2017
8	Tổng Nito <sup>(1)</sup>	mg/L	5,32	1,2	32	TCVN 6638:2000
9	Tổng Photpho <sup>(1)</sup>	mg/L	1,7	0,013	4,8	SMEWW 4500- P.B&D:2017
10	Clorua (Cl) <sup>(1)</sup>	mg/L	249	2	810	SMEWW 4500-Cl.B:2017
11	Asen (As) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,0003	0,081	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,0008	0,081	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,0013	0,405	SMEWW 3113B:2017
14	Crom (VI) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,003	0,081	TCVN 6658:2000



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
CENTER FOR ANALYSIS AND DEVELOPMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

Địa chỉ: 52 đường số 6, KDC Khang An, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM  
Điện thoại: 0903 039 164 - 0896 49 63 64

Email: [info@cadst.com.vn](mailto:info@cadst.com.vn)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	MDL	Thông số so sánh (*)	Phương pháp thử
15	Crom (III) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,204	0,05	0,81	SMEWW 3111B:2017 & TCVN 6658:2000
16	Đồng (Cu) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,082	0,03	1,62	SMEWW 3111B:2017
17	Florua (F) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,21	0,05	8,1	SMEWW 4500- F.B&D:2017
18	Kẽm (Zn) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,017	2,43	SMEWW 3111B:2017
19	Mangan (Mn) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,003	0,81	SMEWW 3113B:2017
20	Niken (Ni) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,257	0,052	0,405	SMEWW 3111B:2017
21	Tổng Phenol <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,005	0,405	TCVN 6216:1996
22	Sắt (Fe) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,715	0,024	4,05	SMEWW 3111B:2017
23	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,03	0,405	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .C&D:2017
24	Xyanua (CN <sup>-</sup> ) <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	0,003	0,081	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
25	Thủy ngân (Hg) <sup>(2)</sup>	mg/L	KPH	0,003	0,008	SMEWW 3112B:2017
26	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	1,015	8,0	SMEWW 5520B&F:2017
27	Dầu, mỡ động thực vật <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH	1,07	16,2	SMEWW 5520B&F:2017
28	Clo dư <sup>(1)</sup>	mg/L	0,49	0,03	1,62	TCVN 6225-3:2011
29	Coliform <sup>(1)</sup>	MPN/100mL	3,9 x 10 <sup>3</sup>	2	5 000	SMEWW 9221B&C:2017

**Ghi chú:**

- + Thông tin khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- + <sup>(1)</sup> Thông số đạt chứng nhận Vimcerts 283;
- + <sup>(2)</sup> Kết quả do nhà thầu phụ phân tích (thông số đạt chứng nhận Vimcerts 292);
- + MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; KPH: Không phát hiện (Kết quả < MDL)
- + SMEWW (Standard Methods for the Examination of Water and Waste water): Các phương pháp tiêu chuẩn xác định nước và nước thải; TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia;
- + (\*) Giá trị giới hạn tối đa theo giấy phép xả thải của "Công ty TNHH Một thành viên Khu công nghiệp Vĩnh Lộc".

ĐD. PHÒNG THÍ NGHIỆM

  
Nguyễn Minh Sơn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2022

ĐD. TRUNG TÂM

  
ThS. Lê Minh Trực

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử trong thời gian thử nghiệm; Thời gian lưu mẫu là bảy (07) ngày kể từ ngày trả kết quả;
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k=2, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ Trung tâm để biết thêm thông tin;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc trích sao mà không có sự đồng ý bằng văn bản của CADST;
4. Các tuyên bố về sự phù hợp/ không phù hợp (nếu có) được nêu ra trong phiếu này đều được kết luận, đối chiếu theo các tiêu chuẩn tham chiếu của PTN hoặc được chỉ định bởi khách hàng (nếu có) và hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2017;